**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - MÔN KHTN – LỚP 8**

**( Phương án : Cuốn chiếu )**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1. Chương 5: Điện (11 tiết) |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 7 | 2 | 3,75 |
| 2. Chương 6: Nhiệt (9 tiết) | 3 |  |  | 1 |  | 1/2 |  | 1/2 | 3 | 2 | 2,75 |
| 3.Chương 7: Sinh học cơ thể người (11 tiết )  | 6 |  |  | 1 |  | 1/2 |  | 1/2 | 6 | 2 | 3,5 |
| **Số câu** | **16** | **0** | **0** | **3** | **0** | **2** | **0** | **1** | **16** | **5** | **21** |
| **Điểm**  | **4** | **0** | **0** | **3** | **0** | **2** | **0** | **1** | **4** | **6** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

 **II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II, KHTN 8 (Phương án : Cuốn chiếu )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ | Yêu cầu cần đạt | Số ý TL/số câu hỏi TN | Câu hỏi |
| TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Câu số) | TL(Ý số) |
| **C5. Điện (11 tiết)** |  |  |  |  |
| -Hiện tượng nhiễm điện- Nguồn điện- Dòng điện -Tác dụng của dòng điện- Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế- Mạch điện đơn giản | Nhận biết | * Xác định được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện.
* Chỉ ra được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.
* Xác định được vật dẫn điện, vật không dẫn điện, cường độ dòng điện và hiệu điện thế.
 | 7 |  |  |  |
| Thông hiểu | * Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.

-Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. |  | 1(2 ý) |  |  |
| Vận dụng | - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.* Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phátquang.
 |  | 1(2 ý) |  |  |
| **C6: Nhiệt****(9 tiết*)***-Năng lượng nhiệt và nội năng-Sự truyền nhiệt-Sự nở vì nhiệt | Nhận biết | * Chỉ ra được năng lượng nhiệt, nội năng, sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt
 | 3 |  |  |  |
| Thông hiểu | * Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt.

  |  | 1 |  |  |
| Vận dụng | * Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt.
 |  | 1/2 |  |  |
| Vận dụng cao | -Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. |  | 1/2 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **C7:Sinh học cơ thể người**-Khái quát về cơ thể người-Hệ vận động ở người-Dinh dưỡng và tiêu hóa-Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người | Nhận biết |  |  |  |  |  |
| * Xác định chức năng của hệ vận động ở người, ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp).
* Xác định một số bệnh tật liên quan đến hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động. Một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật.

– Xác định được chức năng của máu và hệ tuần hoàn, các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyếttương).– Chỉ ra được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người, vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh.– Chỉ ra được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm | 6 |  |  |  |
| Thông hiểu | * Hiểu được vai trò của vi khuẩn với môi trường.
* Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khoẻ mạnh.
 |  | 1 |  |  |
| Vận dụng | * Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương.
 |  | 1/2 |  |  |
| Vận dụng cao | Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình;  |  | 1/2 |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** |  |  | **16** | **5** |  |  |
| **Tỉ lệ %** |  |  | 40% | 60% |  |  |
| **Tỉ lệ chung** |  |  |  |  |  |  |

Nhóm : **Trường THCS Cát Thịnh**

1: Mai Thị Hồng Vân

 2: Phạm Thị Minh

 3: Nguyễn Thị Thu Huyền